TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2021/DS-PT
Ngày 18 - 10 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều
Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2021/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 80/2021/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp Lập Đ, xã Long Điền T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Cù Thị Mịn, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp Lập Đ, xã Long Điền T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp Lập Đ, xã Long Điền T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Cù Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/6/2020 và lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị M giao trả tiền cho chị, bao gồm tiền vay và tiền nhờ chị chơi hụi dùm, các khoản cụ thể sau:

1. Vào ngày 30/10/2018, loại hụi 5.000.000 đồng, dây hụi có 35 chưng, chị Mịn tham gia 01 chưng và hốt ở kỳ đầu tiên và đóng lại hụi chết được 08 kỳ, còn nợ 11 kỳ hụi chết (tính đến ngày 30/4/2020, tháng 4 sau, do nhuần 02 tháng 4), nợ lại chị số tiền 55.000.000 đồng, từ tháng 05 đến nay chị chưa tính, dây hụi này hiện nay vẫn chưa mãn, còn 15 kỳ khui nữa thì mãn (theo giấy nhận hụi bà M ký cho chị, chị đã cung cấp cho Tòa án được ghi tên là Nguyễn Văn C1, do anh C1 ký nhận). Bởi vì chị trực tiếp thỏa thuận và giao tiền cho anh C1.

2. Vào ngày 10/02/2019, loại hụi 5.000.000 đồng, dây hụi có tất cả 30 chưng, chị M tham gia 03 chưng. Chị M hốt hết 03 chưng ở kỳ khui đầu tiên (01 chưng hốt và 02 chưng bán cho người khác). Chị M đóng được 04 lần, sau đó chị M ngưng không đóng, nợ lại chị 11 lần (tính đến tháng 4/2020, là tháng 4 sau), bằng số tiền 165.000.000 đồng, dây hụi này hiện nay còn 15 lần nữa thì mãn (giấy nhận hụi do chị M ký nhận, tờ giấy hụi cho chị M cung cấp được đánh số 9)

3. Vào ngày 13/6/2019, loại hụi 5.000.000 đồng, dây hụi có tất cả 30 chưng, chị M tham gia 01 chưng, sau khi tham gia, bà M hốt ở kỳ khui thứ 2, sau đó không đóng lại hụi chết, chị M còn nợ lại chị 10 lần bằng số tiền 50.000.000 đồng (tính đến tháng 4/2020, tháng 4 sau), dây hụi này còn 19 lần nữa mới mãn (giấy nhận hụi do bà M ký nhận, chị đã cung cấp cho Tòa án được đánh số 7).

4. Vào ngày 01/7/2019, loại hụi 5.000.000 đồng, hụi có tất cả 29 chưng (do trước đây tôi trình bày nhầm là 59), chị M tham gia 04 chưng và hốt hết 04 chưng ở kỳ khui đầu tiên (01 chưng hốt, 03 chưng bán), sau khi hốt thì chị M không đóng hụi chết cho chị, chị M còn nợ lại chị 10 kỳ (tính đến tháng 4/2020, tháng 4 sau) bằng số tiền 200.000.000 đồng, dây hụi này hiện nay còn 19 kỳ nữa thì mãn (giấy nhận hụi chị M ký tên, chị đã cung cấp cho tòa án được đánh số 4).

5. Vào ngày 15/4/2019 dương lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, dây hụi có 40 chưng, chị M tham gia 02 chưng, chị M hốt hết 02 chưng ở kỳ khui thứ 2 (01 chưng hốt, 01 chưng bán), sau khi hốt hụi thì chị M không đóng lại hụi chết cho chị, còn nợ lại chị 12 kỳ hụi chết (tính đến tháng 5/2020 dương lịch) bằng số tiền 48.000.000 đồng, dây hụi này còn 26 lần mới mãn (giấy nhận hụi chị M ký, chị đã cung cấp cho Tòa án, được đánh số 6).

6. Vào 15/9/2018, loại hụi 2.000.000 đồng, hụi có tất cả 42 chưng, chị M

tham gia 01 chưng và hốt ở kỳ khui thứ 2, sau khi hốt hụi thì chị M đóng được 06 lần, còn nợ lại chị 13 kỳ (tính đến tháng 4 sau) bằng số tiền 26.000.000 đồng, dây hụi này còn 21 kỳ nữa mãn (giấy nhận hụi do chị M ký, chị đã cung cấp cho Tòa án, được đánh số 01).

7. Vào 20/6/2019, loại hụi 2.000.000 đồng, hụi có tổng cộng 42 chưng, chị M tham gia 01 chưng và hốt ở kỳ khui đầu tiên, còn nợ lại chị 11 kỳ hụi (tính tới tháng 4/2020, tháng 4 sau) bằng số tiền 22.000.000 đồng, dây hụi này còn 30 lần nữa mới mãn (giấy nhận hụi bà M đã ký, chị đã cung cấp cho Tòa án, được đánh số 02).

8. Vào ngày 12/02/2018, loại hụi 2.000.000 đồng, dây hụi có tổng cộng 32 chưng, chị M tham gia 01 chưng và hốt ở kỳ khui đầu tiền, sau khi hốt và đóng lại hụi chết 14 lần, còn nợ lại 13 lần (tính đến tháng 4/2020, tháng 4 sau), bằng số tiền 26.000.000 đồng, dây hụi này hiện nay đã mãn, còn 04 kỳ hụi chị chưa yêu cầu, vì trước đây đơn khởi kiện của chị chỉ yêu cầu tính đến tháng 4/2020 âm lịch (giấy nhận hụi do chị M ký, chị đã cung cấp cho Tòa án, được đánh số 8).

9. Vào ngày 12/02/2018, loại hụi 5.000.000 đồng, có tổng cộng 24 chưng, chị M tham gia 02 chưng và hốt hết 02 chưng ở kỳ khui đầu tiên (01 hốt, 01 bán), sau khi hốt chị M đống lại được 10 kỳ hụi chết sau đó ngưng không đóng, còn nợ lại 14 kỳ hụi bằng số tiền 140.000.000 đồng (dây hụi này hiện nay đã mãn vào tháng 02/2020) (giấy nhận hụi do chị M ký, chị đã cung cấp cho Tòa án, được đánh số 8).

10. Vào 30/10/2017, loại hụi 1.000.000 đồng, hụi có tất cả 36 chưng, chị M tham gia 02 chưng, chị Mịn hốt hết 02 chưng (1 hốt, 1 bán) ở kỳ khui thứ 3, sau khi hốt chị M đóng được 12 lần, còn nợ lại 16 kỳ (tính đến tháng 4/2020, tháng 4 sau) bằng số tiền 32.000.000 đồng, dây hụi này hiện nay đã mãn vào ngày 30/9/2020, còn 05 lần nữa chị chưa yêu cầu (đối với chưng hụi này chị M không có làm giấy nhận hụi với chị, hụi này hiện nay đã mãn).

11. Dây hụi ngày 06/9/2017, loại hụi 1.000.000 đồng, hụi có tất cả 30 chưng, chị M tham gia 01 chưng, sau khi tham gia chị M hốt ở kỳ đầu tiên, sau khi hốt hụi chị M đóng được 16 lần, còn nợ lại 13 lần bằng số tiền 13.000.000 đồng, dây hụi này hiện nay đã mãn (giấy nhận hụi bà M ký, chị đã cung cấp cho Tòa án, được đánh số 5).

Ngoài ra, do chị M nợ chị số tiền 570.000.000 đồng, mà nguồn tiền do chị hỏi vay của người khác, nên chị có tham gia chơi hụi của người khác và hốt để trả hết số tiền trên. Chị M hứa sẽ góp cho chị mỗi ngày 1.000.000 đồng, mỗi tháng 30.000.000 đồng, góp trong thời hạn 19 tháng, chỉ là tiền vốn, không tính lãi. Chị M góp được 04 lần bằng số tiền 120.000.000 đồng. Sau đó, chị M không

góp nữa cho chị, chị M còn nợ lại 15 lần bằng số tiền 450.000.000 đồng. Ngoài ra, vào ngày tháng nào chị không nhớ rõ, khoảng năm 2020 chị M có vay của chị số tiền 94.000.000 đồng. Đối với số tiền này chị không yêu cầu tính lãi suất, nhưng không có làm giấy tờ gì. Tổng số tiền chị yêu cầu chị M giao trả là 1.321.000.000 đồng.

Các dây hụi trên điều khui vào ngày tháng âm lịch, chỉ có 01 dây hụi khui vào tháng dương lịch. Chị xác định, chị tham gia chơi hụi và hốt hụi dùm cho chị M chứ không phải hụi của chị. Khi chị M nhờ chị chơi hụi dùm, chị trực tiếp gặp chủ hụi và hỏi chơi, hốt hụi được số tiền thì giao trực tiếp cho chị M, chứ chị M không biết chủ hụi và không gặp trực tiếp chủ hụi nào cả. Toàn bộ số tiền chị xác định là tiền hụi là tiền chị trực tiếp đưa cho M.

Bị đơn chị Cù Thị M trình bày: Vào khoảng hơn 10 năm trước, chị có vay tiền của chị C nhiều lần, các lần vay cụ thể chị không nhớ rõ, có vay có trả. Thời gian vay nhiều nhất thì số tiền lên đến hơn 100.000.000đ, lãi suất 30%/ tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Trong thời gian vay bà có trả lãi cho chị C, nếu tháng nào không có tiền trả lãi thì chị C kê thành vốn. Tính đến tháng 6/2020 chị còn nợ lại chị C số tiền vốn vay là 70.000.000đ và từ thời điểm tháng 6/2020 đến nay, do con bà bệnh nặng, không tiền nên chị không đóng lãi hay trả vốn cho chị C nên chị C khởi kiện đến Tòa án.

Chị xác định, 09 tờ giấy hụi do chị C cung cấp, được đánh số từ 1 đến 9 điều là chữ viết và chữ ký của chị, cụ thể: tờ giấy được đánh số 1, nội dung ghi là hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 15/9/2018; tờ giấy được đánh số 02, hụi 2.000.000 đồng khui ngày 20/6/2019; giấy được đánh số 03 ghi số tiền "từ ngày 13 tháng 02 đến 19 tháng, mỗi ngày 1 triệu"; tờ giấy được đánh số 4, có nội dung ghi "4 chưng hụi 5 triệu ngày 01 tháng 7 năm 2019"; tờ giấy được đánh số 5, có nội dung ghi: "mượn của bà C 01 chưng hụi ngày mùng 6, hụi 1 triệu"; tờ giấy được đánh số 6, nội dung giấy ghi: "tôi có mượn bà C hơi hụi 02 chưng hụi khui ngày 05 tháng 4"; tờ giấy được đánh số 7, có nội dung ghi "hụi 30 chưng, hụi 5 triệu"; tờ giấy được đánh số 8, có nội dung ghi "02 chưng hụi 5 triệu và 01 chưng hụi 2 triệu"; tờ giấy được đánh số 9, có nội dung ghi "tôi mượn bà C chơi 03 chưng hụi 5 triệu". Chị M xác định, tất cả các tờ giấy ghi hụi trên điều là chữ ký và chữ viết của chị, nhưng chị không thừa nhận thiếu tiền của chị C. Bởi vì, chị chỉ nợ chị C số tiền 70.000.000 đồng, nhưng chị C kê lãi 30%, chị không có khả năng đóng, nên chị C kê lãi thành tiền vốn và tiếp tục như vậy lên số tiền quá cao. Khi đó, chị C yêu cầu chị viết các tờ giấy nhận nợ, ghi là mượn chị C chơi hụi, nhưng thực chất chị không có mượn chị C chơi hụi hay nhận tiền hụi gì cả. Chị cũng không có giáp mặt chủ hụi và không biết chủ hụi là ai, do chị C yêu

cầu chị ghi như thế nào thì chị ghi như vậy. Ngoài ra, chị C có yêu cầu chị giao 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chị C cất giữ. Đối với tờ giấy hụi được đánh số 6, không ghi loại chưng hụi bao nhiêu nên chị cũng không nhớ, do chị C yêu cầu chị ghi.

Đối với tờ giấy nhận hụi do chồng chị là Nguyễn Văn C1 ký nhận, số tiền là 109.360.000 đồng thì chị không biết. Nay chị không thống nhất tất cả các khoản tiền mà chị C yêu cầu, chị chỉ đồng ý giao trả cho chị C số tiền 70.000.000 đồng, ngoài ra không còn ý kiến gì khác. Đối với số tiền lãi chị đã trả cho chị C bao nhiêu chị cũng không nhớ nên không yêu cầu tính lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C1 trình bày: Việc giao dịch vay tiền giữa chị M và chị C như thế nào thì anh không biết. Sau đó, chị Chi có gặp anh thỏa thuận yêu cầu anh tham gia 01 chưng hụi để hốt và trả nợ cho chị M. Vì vậy nên anh đã đồng ý và có ký nhận giấy hụi cho chị C, loại hụi 5.000.000 đồng, hụi khui ngày 30/10/2018, có 35 chưng, hốt với giá là 1.710.000 đồng, giao tổng số tiền 109.360.000 đồng. Anh ký vào giấy nợ hụi, nhưng thực tế anh không nhận tiền mà chỉ để trừ nợ cho chị C. Sau đó anh có đóng lại hụi chết cho chị C được khoảng 14 kỳ. Nay anh xác định, đối với dây hụi này anh còn nợ lại chị C 13 kỳ hụi, mỗi kỳ 5.000.000 đồng, anh đồng ý tiếp tục trả cho chị C. Ngoài ra anh không đồng ý trả bất kỳ khoản tiền nào khác.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2021/DS-ST ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2005. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của của chị Nguyễn Thị C đối với chị Cù Thị M. Buộc chị Cù Thị M và anh Nguyễn Văn C giao trả cho chị Nguyễn Thị C1 số tiền 1.147.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021, bị đơn chị Cù Thị M kháng cáo, không đồng ý Bản án sơ thẩm số: 53/2021/DS-ST ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu, buộc chị trả cho chị Nguyễn Thị C số tiền 1.147.000.000đ, chị M xác định chỉ còn nợi chị C số tiền 70.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Cù Thị M. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 53/2021/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Đơn kháng cáo của chị Cù Thị M là trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[3] Xét nội dung kháng cáo của chị M không đồng ý trả cho chị C tổng số tiền 1.147.000.000 đồng (bao gồm tiền nợ hụi và tiền vay). Chị M cho rằng không nhờ chị C tham gia chơi hụi dùm và chỉ đồng ý trả chị C nợ vay số tiền 70.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo như các tờ biên nhận mà chị C cung cấp cho Tòa án, cụ thể: Biên nhận được đánh số 01, 02, 04, 05, 07, 08, 09 đều thể hiện nội dung chị M nhờ chị C tham gia chơi hụi dùm và tại phiên tòa phúc thẩm chị M cũng thừa nhận chữ ký trong các biên nhận trên là của chị và anh C1. Đồng thời, đối chiếu các biên nhận trên cũng phù hợp với trình bày của chị C về dây hụi, loại hụi và số chưng hụi mà chị M yêu cầu chơi dùm (tại các mục 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9 của phần nội dung bản án) nên có cơ sở chấp nhận lời trình bày của chị C về việc có tham gia chơi hụi dùm chị M.

[3.1] Ngoài ra, qua các lời khai của những người làm chứng là các chủ hụi mà bà Chi tham gia gồm: Bà Phan Kiều T, bà Trần Thị C và chị Ngô Thị P (từ bút lục 94 – 96) và các biên nhận của các chủ hụi (từ bút lục 84 – 92) đều xác định chị C có tham gia các dây hụi dùm cho chị M là có xảy ra trên thực tế. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định chị M có nhờ chị C tham gia chơi hụi dùm và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị C về việc đòi chị M trả tiền nợ hụi với số tiền 697.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.2] Xét kháng cáo của chị M đối với số tiền vay 570.000.000 đồng. Số tiền này, mặc dù chị M không thừa nhận có nợ chị C, nhưng chị C cung cấp được biên nhận đề năm 2019 có nội dung *"từ ngày 13 tháng 2 đến 19 tháng, mỗi ngày 1.000.000đ"*. Tại phiên tòa, chị M thừa nhận chữ viết trong tờ biên nhận này đúng là chữ viết của chị và chị M cũng thống nhất với chị C xác định theo như nội dung biên nhận thể hiện chị có nợ chi C số tiền 570.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chi đối với khoản vay này là có căn cứ. Tuy nhiên, chị C xác định chị M đã trả được số tiền 120.000.000 đồng. Nay chị C yêu cầu chị M giao trả số tiền 450.000.000 đồng, nên được chấp nhận.

[3.3] Từ đó, có cơ sở để xác định chị M có nợ tiền của chị C như chị C trình bày, tổng số tiền chị M phải trả cho chị C là 1.147.000.000 đồng.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Cù Thị M, có căn cứ chấp nhận phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2021/DS-ST ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Về án phí phúc thẩm: Chị Cù Thị M phải chịu 300.000 đồng.

[6] Các phần khác của Bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Cù Thị M, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2021/DS-ST ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2005. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của của chị Nguyễn Thị C đối với chị Cù Thị M. Buộc chị Cù Thị M và anh Nguyễn Văn C1 giao trả cho chị Nguyễn Thị C số tiền 1.147.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi bảy

triệu đồng)

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C phải nộp án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận: 8.700.000 đồng, chị C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 24.600.000 đồng tại Biên lai thu số 0007958 ngày 13/10/2020 và số tiền 2.350.000 đồng tại Biên lai thu số 0007941 ngày 08/10/2020 được chuyển thu án phí 8.700.000 đồng. Chị Nguyễn Thị C được nhận lại số tiền 18.250.000 đồng.

2.2 Chị Cù Thị M phải nộp án phí số tiền 46.410.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

Các đương sự nộp và nhận lại tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

2.3. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Cù Thị M phải nộp 300.000 đồng, chị M đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001650 ngày 03/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01b);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (01b);
- TAND huyện Đông H (01b);
- CCTHADS huyện Đông H (01b);
- Đương sự (03b);
- Lưu, Tổ HCTP (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Dũng